

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 20-4-2022
V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Anh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vương Minh Tân.
2. Bà Lê Thị Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Kim Tuyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Phạm Hương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2022, tại Phòng xét xử của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2022/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 01 năm 2022, về *Tranh chấp hôn nhân và gia đình* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2022/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông NGUYỄN VĂN N, sinh năm 1962;

Địa chỉ: Thôn Nội Hạc, xã V, huyện T, tỉnh Bắc Giang - Vắng mặt (ông N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Bà NGÔ THỊ TUYẾT M, sinh năm 1957;

Địa chỉ: Thôn Phú An, xã T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang - Vắng mặt (bà M có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện; Biên bản tự khai có lưu trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn ông NGUYỄN VĂN N trình bày: Tôi và bà NGÔ THỊ TUYẾT M được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện T, tỉnh Bắc Giang vào ngày 03 tháng 9 năm 2020 theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, được khoảng 01 năm thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bà M có nhà riêng tại thôn Phú An, xã T, thành phố T nên bà M về đó để sống, vợ chồng từ đó sống xa nhau nên tình cảm nhạt dần, vợ chồng không còn chia sẻ và quan tâm đến nhau. Tôi xác định tình cảm vợ chồng đã hết, thực tế tôi và bà M sống ly thân từ giữa năm

2021 đến nay, nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với bà NGÔ THỊ TUYẾT M theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Tôi và bà NGÔ THỊ TUYẾT M không có, nên không yêu cầu giải quyết khi ly hôn.

Về tài sản chung: Tôi và bà NGÔ THỊ TUYẾT M không có, nên không yêu cầu giải quyết khi ly hôn.

Về tài sản cho vay và tài sản vay nợ chung: Tôi và bà NGÔ THỊ TUYẾT M không có, nên không yêu cầu giải quyết khi ly hôn.

Bị đơn bà NGÔ THỊ TUYẾT M trình bày tại Biên bản tự khai có lưu trong hồ sơ vụ án: Tôi và ông NGUYỄN VĂN N được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện T, tỉnh Bắc Giang vào ngày 03 tháng 9 năm 2020. Quá trình chung sống vợ chồng thời gian đầu sống hạnh phúc tại thôn Nội Hạc, xã V, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Sau đó tôi thấy cuộc sống tại Bắc Giang không phù hợp với tôi, nên đến tháng 8 năm 2021, tôi chuyển về nhà riêng tại thôn Phú An, xã T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, làm nhà và sinh sống, từ đó vợ chồng sống xa cách và tình cảm nhạt dần; tôi và ông N không còn quan tâm, chia sẻ với nhau nữa. Tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, hạnh phúc vợ chồng giữa tôi và ông N đã hết, mục đích hôn nhân không đạt được, nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông NGUYỄN VĂN N theo quy định của pháp luật.

Về con chung tôi và ông NGUYỄN VĂN N không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết khi ly hôn.

Về tài sản chung tôi và ông NGUYỄN VĂN N không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết khi ly hôn.

Về tài sản cho vay và tài sản vay nợ chung tôi và ông NGUYỄN VĂN N không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết khi ly hôn.

Quá trình giải quyết vụ án, về chứng cứ ông NGUYỄN VĂN N cung cấp cho Tòa án:

- 01 bản chính Giấy chứng nhận kết hôn số 43 ngày 03/9/2020 của Ủy ban nhân dân xã V, huyện T, tỉnh Bắc Giang, mang tên chồng NGUYỄN VĂN N, mang tên vợ NGÔ THỊ TUYẾT M;

- 01 bản sao Căn cước công dân tên NGUYỄN VĂN N;

- 01 bản sao Sổ hộ khẩu mang tên chủ hộ NGUYỄN VĂN N.

- 01 Đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí và án phí dân sự vì lý do là người cao tuổi. Đơn mang tên NGUYỄN VĂN N, đề ngày 05/01/2022.

Bà NGÔ THỊ TUYẾT M cung cấp 01 bản sao Căn cước công dân mang tên NGÔ THỊ TUYẾT M (đã được đối chiếu bản chính).

Tòa án nhân dân thành phố T xác minh tại địa phương nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở của bà NGÔ THỊ TUYẾT M được biết: Bà NGÔ THỊ TUYẾT M và ông NGUYỄN VĂN N là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Bà M có hộ khẩu thường trú tại thôn Phú An, xã T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Bà M làm nghề tự do. Sau khi kết hôn với ông N, bà M về quê ông N ở tỉnh Bắc Giang sinh sống, tuy nhiên sau đó bà M về làm nhà riêng tại thôn Phú An, xã T. Khi bà M làm nhà ông N có lên làm giúp, sau đó bà M sống tại nhà bà M; ông N về tỉnh Bắc Giang sinh sống

và không thấy ông N lên nhà bà M nữa; vợ chồng sống ly thân từ khoảng giữa năm 2021 đến nay. Về con chung ông N và bà M không có. Vay nợ của ông N, bà M không có. Quan điểm của địa phương là đề nghị Toà án giải quyết việc xin ly hôn của ông N theo quy định của pháp luật.

Toà án đã tiến hành xác minh tại Công an xã T, thành phố T được biết bà NGÔ THỊ TUYẾT M có hộ khẩu tại thôn Phú An, xã T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Quá trình giải quyết vụ án, do ông N và bà M đều có đơn đề nghị Toà án giải quyết và xét xử vắng mặt, nên không hòa giải cho ông N và bà M theo quy định của pháp luật được.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, thụ lý và giải quyết vụ án sơ thẩm về việc *Tranh chấp hôn nhân và gia đình* là đúng thẩm quyền, đúng nội dung tranh chấp. Tòa án xác định tư cách đương sự và tiến hành các thủ tục tố tụng theo đúng trình tự của pháp luật quy định. Các phần tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tiến hành theo đúng trình tự, đúng pháp luật tố tụng quy định; ý thức chấp hành pháp luật của các đương sự đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 207; 228; khoản 1 Điều 235; Điều 238; 266; 267; 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

* Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông NGUYỄN VĂN N được ly hôn với bà NGÔ THỊ TUYẾT M.

- Về con chung: Ông NGUYỄN VĂN N và bà NGÔ THỊ TUYẾT M đều xác định không có, nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông NGUYỄN VĂN N và bà NGÔ THỊ TUYẾT M đều xác định không có, nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản cho vay và tài sản vay nợ chung ông N và bà M đều xác định không có, nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Ông NGUYỄN VĂN N là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp án phí, nên ông N không phải chịu toàn bộ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bà NGÔ THỊ TUYẾT M không phải chịu tiền án phí sơ thẩm.

- Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông NGUYỄN VĂN N và bà NGÔ THỊ TUYẾT M được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện T, tỉnh Bắc Giang vào ngày 03 tháng 9 năm 2020, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Về tình cảm vợ chồng thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến giữa năm 2021 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và ngày càng mâu thuẫn căng thẳng không thể cùng nhau xây dựng hạnh phúc, ông N về tỉnh Bắc Giang sinh sống, nên vợ chồng sống ly thân. Ông N có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với bà M. Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, xét thấy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy ông N và bà M có mâu thuẫn căng thẳng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, thực tế vợ chồng sống ly thân từ khoảng giữa năm 2021 đến nay, nên chấp nhận toàn bộ đơn và yêu cầu của ông N là được ly hôn với bà M theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung ông N và bà M đều xác định không có, nên không xem xét giải quyết khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung ông N và bà M đều xác định không có, nên không xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản cho vay và tài sản vay nợ chung ông N và bà M đều xác định không có, nên không xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Ông NGUYỄN VĂN N là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp án phí, nên ông N không phải chịu toàn bộ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14; khoản 1 Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bà NGÔ THỊ TUYẾT M không phải chịu tiền án phí sơ thẩm.

[7] Ông N và bà M đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên xét xử vắng mặt các đương sự theo Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 207; 228; khoản 1 Điều 235; Điều 238; 266; 267; 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14; khoản 1 Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông NGUYỄN VĂN N được ly hôn với bà NGÔ THỊ TUYẾT M.

2. Về án phí: Ông NGUYỄN VĂN N và bà NGÔ THỊ TUYẾT M không phải chịu tiền án phí sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Ông NGUYỄN VĂN N và bà NGÔ THỊ TUYẾT M được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND TP. Tuyên Quang;
- UBND xã V, huyện T, tỉnh Bắc Giang (để biết);
- UBND xã T (để biết);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu TAND TP. Tuyên Quang.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Anh Tuấn